

Bản án số: 72/2026/DS-ST
Ngày: 16 – 7 – 2026
*Về việc Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thành Lợi.

Ông Hoàng Văn Tấn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Triệu- Thư ký tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 600/2025/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2026/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2026/QĐST- DS ngày 26/6/2026 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Ngô Thế C**, sinh năm 1991; Căn cước công dân số 0240 9101 3542; Địa chỉ: **Thôn T, xã X, tỉnh Bắc Ninh**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Trần Thế T**, sinh năm 1966; Căn cước công dân số 0240 6601 7705 cấp ngày 12/3/2026; Địa chỉ: **Thôn C, xã X, tỉnh Bắc Ninh** (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1960; Căn cước công dân số 0240 6001 3334 cấp ngày 30/8/2021; nơi đăng ký thường trú: **Thôn T, xã H, tỉnh Bắc Ninh**. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – **Công an tỉnh B** trong vụ án hình sự khác. (xin xét xử vắng mặt)

2. Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1963; Căn cước công dân số: 0241 6300

7082 cấp ngày 27/7/2022; nơi cư trú: **Thôn T, xã H, tỉnh Bắc Ninh** (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà **Triệu Thị T1**, sinh năm 1994; Căn cước công dân số 0241 9400 8202 cấp ngày 29/9/2022; Địa chỉ: **Thôn T, xã X, tỉnh Bắc Ninh** (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Thế T**, sinh năm 1966; Căn cước công dân số 0240 6601 7705 cấp ngày 12/3/2026; Địa chỉ: **Thôn C, xã X, tỉnh Bắc Ninh** (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, bản tự khai, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh **Ngô Thế C** trình bày:* Do có mối quan hệ quen biết với vợ chồng ông **P**, bà **D** nên anh **C** có cho vợ chồng ông **P**, bà **D** vay số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng), cụ thể:

Lần 1: Ngày 19/8/2025 (dương lịch), anh **C** đã cho vợ chồng ông **P**, bà **D** vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), trong đó 450.000.000 đồng tiền mặt và 50.000.000 đồng tiền chuyển khoản từ số tài khoản 0351 0006 85194 của anh **C** tại **Ngân hàng TMCP N (V)** đến số tài khoản 48492282 của ông **P** tại **Ngân hàng TMCP V1 (V2)**. Khi vay hai bên có viết Giấy Biên nhận vay tiền ghi ngày 19/8/2025 với nội dung ông **P**, bà **D** vay anh **C** số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay hạn đến ngày 31/8/2025 trả, không thỏa thuận lãi suất. Giấy vay tiền này là do ông **P** tự viết toàn bộ nội dung, sau đó ông **P**, bà **D** tự ký, ghi rõ họ tên và điểm chỉ vào mục người vay tiền, còn anh **C** ký tên vào mục người cho vay. Anh **C** giữ giấy biên nhận vay tiền bản gốc.

Lần 2: Ngày 22/8/2025, anh **C** tiếp tục cho vợ chồng ông **P**, bà **D** vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), trong đó có 965.000.000 đồng tiền mặt và 35.000.000 đồng tiền chuyển khoản. Thời hạn vay 03 tháng từ ngày 22/8/2025 đến ngày 22/11/2025 trả, không thỏa thuận lãi suất. Khi vay hai bên cũng viết Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 22/8/2025 với đầy đủ nội dung theo thỏa thuận về số tiền vay, thời hạn vay như trên. Giấy biên nhận do ông **P** tự viết toàn bộ nội dung, sau đó ông **P**, bà **D** đều ký, ghi rõ họ tên và điểm chỉ vào mục Người vay tiền, anh **C** ký tên vào mục người cho vay. Anh **C** giữ giấy biên nhận vay tiền bản gốc.

Dù trong 02 Giấy biên nhận vay tiền này hai bên không thỏa thuận lãi suất, tuy nhiên thực tế bên ngoài hai bên đã cùng thống nhất thỏa thuận nếu trong trường hợp ông **P**, bà **D** không thanh toán được tiền gốc đúng hạn theo thỏa thuận thì ông **P**, bà **D** sẽ phải trả cho anh **C** số tiền lãi tương ứng lãi suất 1%/tháng/tổng số tiền vay/tổng số ngày quá hạn cho đến khi thực tế ông **P**, bà **D** thanh toán hết nợ cho anh **C**.

Quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận, anh C đã tới đòi nhiều lần nhưng ông P, bà D liên tục khất nợ và chưa trả lại cho anh C đồng nào và chấp nhận chịu lãi với mức lãi suất 1% như thỏa thuận đã trao đổi trước đó. Do vậy nay anh C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho anh C số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng), tiền lãi với mức lãi suất 1%/01 tháng tạm tính từ ngày cho vay đến ngày 08/12/2025 là 52.400.000 đồng và tiếp tục trả cho anh C số tiền lãi với mức lãi suất 01%/01 tháng tính từ ngày 09/12/2025 cho đến khi Tòa án giải quyết, xét xử sơ thẩm xong.

Anh C xác định khoản tiền anh dùng để cho vợ chồng ông P, bà D vay là của một mình anh C, việc vay mượn giữa anh và vợ chồng ông P, nên anh yêu cầu vợ chồng ông P, bà D phải trả lại tiền cho một mình anh.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày: Năm 2023, ông P khởi kiện gia đình ông Lê Hồng L và bà Trần Thị B ra Tòa án đòi số tiền ông L bà B nợ ông là 2.900.000.000 đồng và khoản tiền lãi 147.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án ông uỷ quyền cho ông Trần Thế Tam đại D1 thay mặt giải quyết vụ án tại Tòa án yêu cầu thi hành án đối với bản án kiện đòi nợ nhà vợ chồng ông bà L, B. Sau khi Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử xong, Bản án đã có hiệu lực pháp luật ông tiếp tục uỷ quyền cho ông T thay mặt ông làm việc với Cơ quan thi hành án dân sự để thi hành bản án. Quá trình thi hành án, do gia đình cần tiền nhưng bản án chưa được thi hành, chưa nhận được tiền của vợ chồng ông bà L, B nên vợ chồng ông đã bán một phần quyền được thi hành án là 1.500.000.000 đồng trong tổng số tiền nợ nhà ông L bà B phải thi hành cho ông T với giá 85.000.000 đồng. Do vậy, ngày 19/8/2025, vợ chồng ông có viết giấy biên nhận vay của ông Ngô Thị C1, sinh năm 1991, địa chỉ thôn T, xã X, tỉnh Bắc Ninh là nhân viên văn phòng luật của ông T, đồng thời cũng là chủ nhà nơi ông T thuê nhà mở văn phòng luật sư, số tiền 500.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận thời hạn trả là ngày 31/5/2025 (dương lịch). Ngày 22/8/2025, vợ chồng ông tiếp tục viết giấy vay với ông Ngô Thế C số tiền 1.000.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận thời hạn vay từ 22/8/2025 đến ngày 22/11/2025. Theo 02 giấy vay tiền mà ông đã lập, đã ký vay của ông C thể hiện đã vay của ông C số tiền 1.500.000.000 đồng. Tuy nhiên, bản chất đây không phải vay tiền mà là ông bán cho ông C khoản tiền mà ông L bà B phải thi hành án cho ông và thực tế ông mới chỉ nhận được số tiền 85.000.000 đồng.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông C yêu cầu vợ chồng ông phải trả số tiền 1.500.000.000 đồng, 52.400.00 đồng tiền lãi tạm tính từ ngày 08/12/2025 với

mức lãi suất 1%/tháng, buộc vợ chồng ông có nghĩa vụ liên đới phải trả cho ông C số tiền lãi phát sinh từ ngày 09/12/2025 đến khi Toà án xét xử xong với mức lãi suất 1%/tháng thì ông chỉ đồng ý trả ông C số tiền 1.500.000.000 đồng theo đúng thỏa thuận đã mua bán nợ với ông T, ông C, nhưng khi nào ông T đòi được tiền thì hành án từ nhà ông L, bà B thì ông đối trừ đi để trả. Còn về số tiền lãi thì ông không đồng ý.

Hai giấy biên nhận tiền ông C giao nộp cho Toà án nội dung là do ông viết, chữ viết, chữ ký ở mục người vay tiền là do ông và vợ ông viết, ký.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/7/2026, ông P khẳng định có vay của ông C số tiền theo hai giấy vay trên, việc trước đây ông khai mới chỉ nhận 85.000.000 đồng và bản chất việc mua bán nghĩa vụ thì hành án là không đúng. Nay ông thừa nhận ông và bà D đã vay của ông C số tiền 1.500.000.000 đồng. Khoản tiền này hai vợ chồng ông vay, là nợ chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông C ông P chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng đã vay, không đồng ý trả tiền lãi. Do ông đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an tỉnh B trong vụ án hình sự khác nên ông xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và các phiên tòa xét xử vụ án tại Tòa án nhân dân các cấp.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:* Bà là vợ ông Nguyễn Văn P, bà hoàn toàn nhất trí với nội dung trình bày, quan điểm của ông P, bà chỉ đồng ý trả cho anh C số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi cho anh C và không bổ sung thêm ý kiến gì.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Triệu Thị T trình bày:* Chị là vợ của anh Ngô Thế C. Về việc anh C cho vợ chồng ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị D vay số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) theo nội dung khởi kiện của anh C thì chị có được biết, được nghe anh C nói lại. Chị hoàn toàn nhất trí với các lời trình bày của anh C đã trình bày với Tòa án.

Số tiền anh C cho ông P và D vay là tiền của anh C, không phải là tiền chung của vợ chồng chị nên nay anh C khởi kiện yêu cầu ông P và bà D trả cho một mình anh C số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng); số tiền lãi theo lãi suất 01%/tháng tính đến ngày 08/12/2025 là 52.400.000 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh theo mức lãi suất 1%/tháng từ ngày 09/12/2025 cho tới khi Tòa án giải quyết xét xử sơ thẩm xong cho một mình anh C thì chị cũng nhất trí.

** Quá trình chuẩn bị xét xử, ngày 25/6/2026 ông Trần Thế T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh C có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông P, bà D có nghĩa vụ liên đới trả số tiền lãi theo lãi suất 01%/tháng tạm tính từ ngày cho vay đến ngày 08/12/2025 là 52.400.000 đồng và*

tiếp tục tính lãi phát sinh theo mức lãi suất 1%/tháng từ ngày 09/12/2025 cho tới khi Tòa án giải quyết xét xử sơ thẩm xong. Ông **T** xác định nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu ông **P** và bà **D** có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại phiên tòa: Bị đơn ông **Nguyễn Văn P** vắng mặt, có đơn xin vắng mặt; bà **Nguyễn Thị D** vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông **P**, bà **D** trả tiền lãi theo đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 25/6/2026, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị bị đơn ông **P**, bà **D** có nghĩa vụ liên đới trả lại anh **C** số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng, ngoài ra không có thêm yêu cầu gì khác.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đơn xin vắng mặt và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 161, 162, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Ngô Thế C** buộc vợ chồng ông **Nguyễn Văn P** bà **Nguyễn Thị D** phải liên đới trả cho ông **Ngô Thế C** số tiền 1.500.000.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu trả tiền lãi của ông **Ngô Thế C**.

- Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông **Nguyễn Văn P** bà **Nguyễn Thị D**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật: Anh **Ngô Thế C** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về việc anh **C** cho vợ chồng

ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị D vay tiền; Ông P và bà D hiện cư trú tại thôn T, xã H, tỉnh Bắc Ninh. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn ông P vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị D theo quy định.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về yêu cầu trả tiền gốc: Nguyên đơn anh C khởi kiện yêu cầu ông P và bà D có nghĩa vụ liên đới trả cho anh C số tiền gốc 1.500.000.000 đồng. Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn là bản gốc Giấy vay tiền ngày 19/8/2025 và Giấy vay tiền ngày 22/8/2025 mà anh C đã giao nộp cho Tòa án.

Bị đơn ông P, bà D thừa nhận các chữ ký, chữ viết và điểm chỉ của ông bà trong cả 02 giấy vay tiền, thừa nhận ngày 19/8/2025 và ngày 22/8/2025 có vay của anh C số tiền như nội dung trong giấy vay nợ, thừa nhận từ khi vay đến nay ông P và bà D chưa trả cho anh C số tiền nợ gốc nào và đồng ý trả cho anh C số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng.

Xét về nội dung, hình thức của giấy vay tiền ngày 19/8/2025 và 22/8/2025 là phù hợp với quy định quy định tại các Điều 116, 117, 119, 463 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có đủ căn cứ xác định ngày 19/8/2025 ông P và bà D có vay của anh C số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng và ngày 22/8/2025 ông P và bà D có vay của anh C số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng, đến nay chưa trả. Do vậy anh C khởi kiện yêu cầu ông P và bà D có nghĩa vụ liên đới trả cho anh C 1.500.000.000 đồng nợ gốc theo giấy vay tiền ngày 19/8/2025 và 22/8/2025 là có cơ sở.

[3.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện và lời khai ban đầu nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn ông P và bà D có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền lãi với mức lãi suất 1%/01 tháng tạm tính từ ngày cho vay đến ngày 08/12/2025 là 52.400.000 đồng và tiếp tục trả tiền lãi với mức lãi suất 01%/01 tháng tính từ ngày 09/12/2025 cho đến khi Tòa án giải quyết, xét xử sơ thẩm xong.

Quá trình chuẩn bị xét xử, ngày 25/6/2026 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi. Xét thấy việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai xúi giục, ép buộc nên cần chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện này.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông **Nguyễn Văn P** và bà **Nguyễn Thị D** có nghĩa vụ trả cho anh **Ngô Thế C** số tiền 1.500.000 đồng tiền nợ gốc. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông **P** và bà **D** có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng kể từ ngày cho vay đến khi xét xử sơ thẩm xong.

[5] Về lãi suất chậm thi hành án: Do các đương sự không thỏa thuận được nên áp dụng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Do ông **P** và bà **D** đều là người cao tuổi nên Hội đồng xét xử miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông **P**, bà **D**

Do yêu cầu khởi kiện của anh **C** được chấp nhận nên anh **C** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh **C** được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

[7] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh là hoàn toàn phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa nên nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273; Điều 280 ;

Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 288, Điều 463, 466, Điều 468, Điều 470 2015;

Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Ngô Thế C**.

Buộc ông **Nguyễn Văn P** và bà **Nguyễn Thị D** có nghĩa vụ liên đới trả cho anh **Ngô Thế C** số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 01%/tháng kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Án phí:

Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông **Nguyễn Văn P** và bà **Nguyễn Thị D**.

Hoàn trả anh **Ngô Thế C** 29.286.000 đồng (*Hai mươi chín triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005126 ngày 31/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh
- VKSND khu vực 2 - Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Linh Chi